

**BIÊN BẢN NIÊM YẾT CÔNG KHAI TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ
TOÁN NGÂN SÁCH XÃ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023**

Căn cứ thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai Ngân sách nhà nước đối với các cấp Ngân sách.

Hôm nay ngày 18 tháng 7 năm 2023.

Tại Bộ phận một cửa của UBND xã Cẩm Văn.

Chúng tôi gồm có:

- | | |
|-------------------------|--|
| 1. Ông Trần Thế Tuyền | Chức vụ: Chủ tịch |
| 2. Ông Nguyễn Tiến Thủy | Chức vụ: Phó chủ tịch |
| 3. Bà: Phạm Thị Lư | Chức vụ: Công chức Tài chính - Kế toán |
| 4. Ông Trần Văn Viết | Chức vụ: Công chức Văn phòng |
| 5. Ông: Đỗ Văn Linh | Chức vụ: Trưởng ban TTND |

Tiến hành lập Biên bản niêm yết công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách xã 6 tháng đầu năm 2023.

(Kèm theo Biểu số 113/CKTC-NSNN; Biểu số 114/CKTC-NSNN; Biểu số 115/CKTC-NSNN).

Thời gian niêm yết: Từ ngày 18/7/2023 đến hết ngày 18/8/2023.

Biên bản được lập thành 02 bản, Lưu tại bộ phận một cửa 01 bản, lưu tại phòng kế toán 01 bản.

Người có trách nhiệm niêm yết

Phạm Thị Lư

CHỦ TỊCH

Trần Thế Tuyền

Các thành viên

Trần Văn Viết
Nguyễn Tiến Thủy

Đỗ Văn Linh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ CẨM VĂN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ~~127~~/QĐ-UBND

Cẩm Văn, ngày 18 tháng 7 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai tình hình thực hiện dự toán
ngân sách xã 6 tháng đầu năm 2023**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ CẨM VĂN

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết 05/NQ-HĐND ngày 13/07/2023 của Hội đồng nhân dân xã Cẩm Văn về việc phê chuẩn về tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách 6 tháng đầu năm 2023.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng HĐND-UBND thị trấn, công chức Tài chính- Kế toán và các bộ phận có liên quan căn cứ thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ phận một cửa;
- Lưu: KT, VP.

CHỦ TỊCH

Trần Thế Tuyền

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)	SO SÁNH (%)
A	B	1	2	3 = 2/1
I	TỔNG SỐ THU	7.566.132	8.596.265	113,62
1	Các khoản thu xã hưởng 100 %	53.000	5.252	9,91
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	3.551.000	1.679.847	47,31
3	Thu bổ sung	3.962.132	6.268.450	158,21
	- Bổ sung cân đối ngân sách	3.962.132	2.000.000	50,48
	- Bổ sung có mục tiêu		4.268.450	
4	Thu chuyển nguồn		642.716	
II	TỔNG SỐ CHI	6.907.341	7.020.697	101,64
1	Chi đầu tư phát triển	3.000.000	5.053.221	168,44
2	Chi thường xuyên	3.907.341	1.967.475	50,35
3	Dự phòng			

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thuế, lệ phí Luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng dùng để phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã.

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023

Đơn vị: 1000 đồng

[illegible]

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
	Tổng số thu		7.686.132		8.596.265		111,84
I	Các khoản thu 100%		173.000		5.252		3,04
1	Phí, lệ phí		18.000		4.952		27,51
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác		120.000				
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định				300		
5	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
6	Đóng góp của nhân dân theo quy định						
7	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
8	Thu khác		35.000				
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)		3.551.000		1.679.847		47,31
1	Các khoản thu phân chia		147.000		156.158		106,23
1.1	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		25.000		1.019		4,08
1.2	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
1.3	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh		22.000		23.200		105,45
1.4	Lệ phí trước bạ nhà, đất		100.000		131.939		131,94
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định		3.404.000		1.523.689		44,76
2.1	Thu tiền sử dụng đất		3.000.000		1.318.443		43,95
2.2	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước						
2.3	Thuế tài nguyên						
2.4	Thuế giá trị gia tăng		260.000		114.014		43,85
2.5	Thuế thu nhập doanh nghiệp						
2.6	Thuế thu nhập cá nhân		144.000		91.232		63,36
2.7	Thuế tiêu thụ đặc biệt						
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn				642.716		
	Thu chuyển nguồn				642.716		

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
V	Thu kết dư ngân sách năm trước						
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên		3.962.132		6.268.450		158,21
1	Thu bổ sung cân đối		3.962.132		2.000.000		50,48
2	Thu bổ sung có mục tiêu				4.268.450		